

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-3-2021.

“V/v anh H xin ly hôn với chị T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Thường.

2. Ông Hoàng Quốc Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Trí H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 3, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa: Vắng mặt anh H và chị T (Anh H và chị T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 22-01-2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Phạm Trí H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T chung sống cùng với nhau như vợ chồng từ năm 2008 và đến ngày 08-7-2011 thì anh và chị T mới đi đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn với nhau thì vợ chồng anh chung sống ở thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng anh chung sống hòa thuận được khoảng 6 năm thì đến tháng 3-2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, khác biệt về lối sống, cách sống và không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã nhau. Ngoài ra, còn do chị T là người miền Nam, không phù hợp với lối sống của người miền Bắc, vì thế trong quá trình chung sống cùng với bố mẹ anh đã phát sinh nhiều mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu không thể dung hòa được. Từ cuối năm 2016 chị T đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở thôn 3, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận để làm ăn và sinh sống. Anh và chị T sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người một nơi và không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian vợ chồng anh sống ly thân đã lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là các cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 09-01-2009 và cháu Phạm Đức M, sinh ngày 19-3-2013. Từ khi vợ chồng anh sống ly thân với nhau thì cháu M ở cùng với chị T còn cháu Quốc A ở cùng với anh. Ly hôn, anh xin nhận nuôi cháu Quốc A và yêu cầu Tòa án giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng và những vấn đề khác có liên quan: Anh và chị T không có gì vì vậy anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 01-02-2021 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án ly hôn vắng mặt của bị đơn ngày 01-02-2021, bị đơn là chị Trần Thị T trình bày: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như anh H đã trình bày ở trên. Nay chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị và anh H là thật sự cần thiết để giải thoát cho cả hai vì vậy chị đồng ý ly hôn với anh Phạm Trí H.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là các cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 09-01-2009 và cháu Phạm Đức M, sinh ngày 19-3-2013. Hiện nay cháu Đ ở cùng với chị còn cháu Quốc A ở cùng với anh H. Ly hôn, chị và anh H thống nhất là chị nuôi cháu M còn anh H nuôi cháu Quốc A. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh H không có gì vì vậy chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đồng thời chị T xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa vì điều kiện công việc.

* Tại đơn đề nghị ngày 01-02-2021, cháu Phạm Đức M có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với chị T.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02-02-2021, cháu Phạm Quốc A có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với anh H.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 25-02-2021, Ủy ban nhân dân xã L cung cấp: Anh Phạm Trí H và chị Trần Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 08-7-2011. Sau khi kết hôn với nhau thì vợ chồng anh H, chị T có thời gian chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh H ở thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Nhưng từ khoảng cuối năm 2016, chị T đã đưa 01 con về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở huyện H, tỉnh Bình Thuận để sinh sống. Từ đó cho đến nay không thấy chị T quay về địa phương để chung sống cùng với anh H nữa. Anh H và chị T sống ly thân từ đó cho đến nay.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các Đương sự.

- Về các yêu cầu khởi kiện của Đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Trí H; cụ thể.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Phạm Trí H và chị Trần Thị T.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 09-01-2009 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và giao cháu Phạm Đức M, sinh ngày 19-3-2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

+ Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí ly hôn: Buộc anh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là chị Trần Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận nhưng anh H và chị T đã có đơn thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định để giải quyết vụ án ly hôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời anh H và chị T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Xét điều kiện, vợ chồng anh chị đã mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau, từ lâu đã không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Đặc biệt cả hai bên không còn thiện chí thực hiện nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định về “Tình nghĩa vợ chồng”. Điều đó chứng tỏ mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không còn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H xử cho anh được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về nuôi con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là các cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 09-01-2009 và cháu Phạm Đức M, sinh ngày 19-3-2013. Anh H và chị T đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc nuôi con chung, cụ thể là giao cháu Quốc A cho anh H nuôi dưỡng và giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Việc thỏa thuận trên của anh H và chị T là phù hợp với nguyện vọng của cháu Quốc A và cháu M và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Trí H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Trí H và chị Trần Thị T.

2. Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 09-01-2009 cho anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

+ Giao cháu Phạm Đức M, sinh ngày 19-3-2013 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh H và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Trí H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002093 ngày 01-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Như vậy, anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiến

